

CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: 11.1.2023/CV-GMA

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 thay đổi từ 10% so với cùng kỳ năm 2021, và thay đổi từ 5% giữa báo cáo kiểm toán và báo cáo đơn vị tự lập

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**
2. Mã chứng khoán : **GMA**
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Căn cứ theo khoản 4, điều 14, chương III của Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP G- Automobile xin báo cáo và giải trình Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“LNST”) năm 2022 và năm 2021 chênh lệch từ 10% trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

A. Số liệu trên báo cáo riêng**DVT: Đồng**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng (+) giảm(-)	% tăng, giảm
1	Lợi nhuận gộp	5.604.939.222	13.010.224.868	-7.405.285.646	-56,92%
2	Doanh thu tài chính	4.507.847.709	17.866.656	4.489.981.053	25,131%
3	Chi phí hoạt động	3.204.694.408	5.406.865.857	-2.202.171.449	-109,56%
4	Lợi nhuận khác	-60.9122892	637.464.336	-698.377.228	-99,99%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.319.698.318	5.426.081.544	-1.106.383.226	-20,39%

LNST trong năm 2022 của Công ty G- Automobile giảm 1.106 triệu đồng, tương đương 20,39% so với năm 2021 do các nguyên nhân sau:

- o Theo định hướng ĐHĐCĐ, công ty G- Automobile đang từng bước dần thực hiện chuyển hướng tập trung vào lĩnh vực kinh doanh ô tô, chuyển đổi mô hình công ty độc lập sang mô hình công ty mẹ con, do đó hoạt động kinh doanh truyền thống của công ty cũng giảm dần theo lộ trình. Trong năm 2022, doanh thu ở mảng hàng hoá truyền thống chỉ phát sinh 32.471 triệu đồng, doanh thu mảng dịch vụ là 4.158 triệu đồng. Doanh thu ở nhóm ngành nghề mới chưa phát sinh, dẫn đến việc lợi nhuận giảm theo.
- o Doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2022 tăng mạnh so với năm 2021 do phát sinh khoản lãi từ chuyển nhượng cổ phần, và nhận cổ tức tại công ty con và công ty liên kết



- o Các chi phí hoạt động giảm được 40,73% so với cùng kỳ năm trước do ban lãnh đạo đã sắp xếp bộ máy nhân sự linh hoạt, hợp lý, mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc. Bên cạnh đó, công ty cũng áp dụng nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí ở mức tối đa có thể.
- o Lợi nhuận khác trong năm 2022 của Công ty giảm mạnh do không có hoạt động thanh lý tài sản như năm 2021 .

B. Số liệu trên báo cáo hợp nhất

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng (+) giảm(-)	% tăng, giảm
1	Lợi nhuận gộp	123.755.759.751	13.010.224.868	110.745.534.883	851,22%
2	Doanh thu tài chính	11.546.280.664	17.866.656	11.528.414.008	64.524,74%
3	Chi phí hoạt động	99.065.149.731	5.406.865.857	93.658.283.874	1.732,21%
4	Lợi nhuận khác	7.533.075.336	637.464.336	6.895.611.000	1.081,72%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.659.546.374	5.426.081.544	21.233.464.830	391,32%

Năm 2022 là năm đầu tiên Công ty CP G-Automobile lập báo cáo tài chính hợp nhất do các năm trước Công ty không có Công ty con. Số liệu năm 2021 trên báo cáo kết quả kinh doanh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng công ty mẹ- Công ty Cổ phần G-Automobile , đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Các chỉ tiêu trên báo cáo hợp nhất tăng là do Công ty mở rộng quy mô đầu tư.

C. Chênh lệch LNST trên báo cáo đơn vị tự lập và báo cáo kiểm toán

Chỉ tiêu	2022		Tăng/ giảm	% Tăng, giảm
	Báo cáo đơn vị tự lập	Báo cáo kiểm toán		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	21,835,335,650	26,659,546,374	4,824,210,724	22.09%

Tại thời điểm lập báo cáo hợp nhất quý 4/2022, công ty liên kết chưa hoàn thành báo cáo tài chính quý 4/2022, do đó lợi nhuận từ công ty liên kết này chưa được ghi nhận trong báo cáo hợp nhất quý 4/2022. Báo cáo kiểm toán đã ghi nhận phần lợi nhuận từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bằng công văn này, Công ty CP G- Automobile kính giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chênh lệch LNST trên 10% trong báo cáo năm 2022 so với cùng kỳ năm trước, và chênh lệch từ 5% giữa báo cáo đơn vị tự lập và báo cáo kiểm toán.

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN G- AUTOMOBILE
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
G-AUTOMOBILE
NGUYỄN THỊ THANH THỦY



CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần G-Automobile (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty

Công ty Cổ phần G-Automobile. (Tên cũ là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0105558271, đăng ký lần đầu ngày 10/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11/10/2022
Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

Số 11 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Tống Thị Thu Huyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18/04/2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Bà Đào Thị Như Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Ông Bùi Đức Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/04/2022
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng	Từ ngày 01/08/2022
Bà Đỗ Minh Khuyên	Kế toán trưởng	Trước ngày 01/08/2022

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hương Giang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/04/2022
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Bà Đặng Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2022
Bà Đỗ Thị Xuân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2022

Đại diện theo pháp luật

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số: 203/BCKT-TC/AVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần G-Automobile**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần G-Automobile, được lập ngày 25/03/2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần G-Automobile tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 22/03/2022.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Đỗ Thị Duyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN Kiểm toán số

3642-2021-126-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Trần Mạnh Đức

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN Kiểm toán số

4884-2019-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.993.298.226	24.124.176.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	156.903.998	117.378.107
1. Tiền	111		156.903.998	117.378.107
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.059.393.017	22.290.321.571
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.135.319.563	6.113.673.014
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	112.200.000	242.595.990
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	39.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12.811.873.454	15.955.651.867
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(60.599.300)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	768.188.404	1.710.433.717
1. Hàng tồn kho	141		768.188.404	1.710.433.717
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.812.807	6.043.335
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	6.043.335
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	8.812.807	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.467.503.840	85.554.310.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	-	-
- Nguyên giá	222		227.751.865	227.751.865
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(227.751.865)	(227.751.865)
I. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	280.457.035.965	85.340.187.965
1. Đầu tư vào công ty con	251		217.993.115.965	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.350.000.000	11.760.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.113.920.000	73.580.187.965
II. Tài sản dài hạn khác	260		10.467.875	214.122.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	10.467.875	214.122.218
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		297.460.802.066	109.678.486.913

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.245.107.069	31.226.423.043
I. Nợ ngắn hạn	310		10.245.107.069	6.754.890.651
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	2.129.105.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.988.525.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	536.253.979	1.027.405.834
4. Phải trả người lao động	314		634.670.512	1.313.738.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	3.730.872.971	279.479.492
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	4.309.607	16.636.947
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	5.339.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		-	24.471.532.392
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.11	-	1.361.532.392
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	-	23.110.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		287.215.694.997	78.452.063.870
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	287.215.694.997	78.452.063.870
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.999.990.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.999.990.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76.628.400.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.587.304.997	18.452.063.870
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.267.606.679	13.025.982.326
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.319.698.318	5.426.081.544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		297.460.802.066	109.678.486.913

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.629.352.287	103.207.415.904
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		36.629.352.287	103.207.415.904
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.024.413.065	90.197.191.036
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.604.939.222	13.010.224.868
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.507.847.709	17.866.656
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.049.861.087	1.943.913.813
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.049.861.087	1.943.538.219
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.419.500	327.246.848
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.193.274.908	5.079.619.009
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		4.858.231.436	5.677.311.854
10. Thu nhập khác	31	VI.6	228.100	1.588.101.449
11. Chi phí khác	32	VI.7	61.140.992	950.637.113
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(60.912.892)	637.464.336
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.797.318.544	6.314.776.190
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	477.620.226	888.694.646
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.319.698.318	5.426.081.544

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.797.318.544	6.314.776.190
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	255.286.466
- Các khoản dự phòng	03		(60.599.300)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	375.594
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.507.847.709)	(1.605.968.105)
- Chi phí lãi vay	06		2.049.861.087	1.943.538.219
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.278.732.622	6.908.008.364
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.243.715.047	75.838.759.731
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		942.245.313	4.967.351.891
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.866.771.935)	(72.936.593.429)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		209.697.678	436.100.432
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(342.981.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.055.492.543)	(671.614.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.752.126.182	14.199.031.491
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(6.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.957.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		-	(4.612.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.000.000	4.573.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(222.590.000.000)	(11.760.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		29.560.540.159	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.420.459.550	2.635.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(190.570.000.291)	(6.839.091.711)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		204.628.400.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		3.789.000.000	46.790.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.560.000.000)	(55.574.046.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		186.857.400.000	(8.784.046.025)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		39.525.891	(1.424.106.245)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		117.378.107	1.541.859.946
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		-	(375.594)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		156.903.998	117.378.107

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Thanh Thủy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần G-Automobile. (Tên cũ là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Số 0105558271, đăng ký lần đầu ngày 10/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11/10/2022, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
Trụ sở chính của Công ty: Số 11 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Vốn điều lệ của Công ty: 199.999.990.000 đồng.
Tổng số cổ phần: 19.999.999 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Trừ đấu giá;
Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
Sửa chữa máy móc, thiết bị;
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Trừ đấu giá;
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu/ Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng
Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:

Kinh doanh bất động sản;

Hoạt động tư vấn quản lý;

Cho thuê xe có động cơ. Trừ đầu giá;

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: (trừ máy bay, khinh

Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;

Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	55%	55%	Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngành nghề chính: Kinh doanh xe ô tô
Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát	90%	90%	Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngành nghề chính: Cho thuê xe ô tô

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	30,875%	30,875%	Số 1 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội. Ngành nghề chính: Kinh doanh xe ô tô

Tổng số cán bộ nhân viên

Số lượng lao động bình quân trong năm 2022 của công ty là 16 người.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**18.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

18.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt tại quỹ	93.432.967	90.309.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.471.031	27.069.084
	156.903.998	117.378.107

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du (1)	190.993.115.965	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát (2)	27.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên (3)	-	-	11.760.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội (4)	12.350.000.000	-	-	-
	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (5)	47.113.920.000	-	47.113.920.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du (1)	-	-	7.753.115.965	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân (6)	-	-	15.713.152.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và dịch vụ TMC (7)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	280.457.035.965	-	85.340.187.965	-

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

- (1) Vốn góp của Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du là 200.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 01/01/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 4,1% với giá mua 7.753.115.965 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 55% với giá mua 190.993.115.965 đồng.
- (2) Vốn góp của Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát là 30.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 90% với giá mua 27.000.000.000 đồng.
- (3) Vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên là 24.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 01/01/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 49% với giá mua 11.760.000.000 đồng. Tại 31/12/2022, công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên.
- (4) Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội là 40.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 30,875% tương đương 12.350.000.000 đồng.
- (5) Vốn góp của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản là 800.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 4,99% với giá mua 47.113.920.000 đồng.
- (6) Tại thời điểm 01/01/2022, vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân là 52.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 19% với giá mua 15.713.152.000 đồng. Trong năm, Công ty Cổ phần G-Automobile chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân.
- (7) Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TMC là 20.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 15% với giá mua 3.000.000.000 đồng. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Thương mại Thái Minh	329.007.301	529.007.301
Công ty TNHH Vit-Metal	341.080.000	-
Công ty CP Xây dựng Nền móng dân dụng và Công nghiệp Minh Đức	1.236.159.578	1.236.159.578
Công ty TNHH SX và TM Thiết bị Công nghiệp Việt	311.739.571	311.739.571
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Quân	-	1.736.800.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng Tiên Phong	-	630.000.000
Khách hàng khác	681.330.614	1.669.966.564
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	236.002.499	
	3.135.319.563	6.113.673.014

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	44.000.000	44.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	40.000.000	40.000.000
Rent Centric, Inc		158.595.990
Người bán khác	28.200.000	
	112.200.000	242.595.990

5. Phải thu về cho vay	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công Ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Sen Trắng	-	-	39.000.000	-
	-	-	39.000.000	-
6. Phải thu khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	12.752.642.359	-	13.116.800.737	-
Ký cược, ký quỹ	44.000.000	-	44.000.000	-
Phải thu khác	15.231.095	-	2.794.851.130	-
Lãi cho vay	15.231.095	-	15.231.095	-
Cổ tức được nhận từ Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du		-	2.779.620.035	-
	12.811.873.454	-	15.955.651.867	-
7. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	86.261.290	-
Chi phí SXKD dở dang	752.190.904	-	536.028.478	-
Hàng hóa	15.997.500	-	1.088.143.949	-
	768.188.404	-	1.710.433.717	-
8. Chi phí trả trước	31/12/2022		01/01/2022	
8.1. Ngắn hạn				
Công cụ dụng cụ			-	6.043.335
			-	6.043.335
8.2. Dài hạn				
Công cụ dụng cụ			10.467.875	214.122.218
			10.467.875	214.122.218

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	...	Cộng
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2022	227.751.865			227.751.865
Số dư 31/12/2022	227.751.865	-	-	227.751.865
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2022	227.751.865			227.751.865
Khấu hao trong kỳ				-
Tăng khác				-
Chuyển sang BĐS đầu tư				-
Thanh lý, nhượng bán				-
Giảm khác				-
Số dư 31/12/2022	227.751.865	-	-	227.751.865
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 227.751.865

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp	31/12/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2022
Thuế GTGT phải nộp	10.789.560	596.547.765	593.340.031	7.581.826
Thuế thu nhập doanh nghiệp	477.620.226	644.418.123	1.055.492.543	888.694.646
Thuế thu nhập cá nhân	47.844.193	205.853.416	289.138.585	131.129.362
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	53.036.438	53.036.438	-
	536.253.979	1.499.855.742	1.991.007.597	1.027.405.834

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp gồm:
Truy thu và phạt theo biên bản kiểm tra thuế 166.797.897
Chi phí thuế hiện hành 477.620.226
Cộng 644.418.123

Phải thu

	31/12/2022	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	01/01/2022
Các loại thuế khác	8.812.807	18.503.229	9.690.422	-
	8.812.807	18.503.229	9.690.422	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả

11.1. Ngắn hạn

Chi phí lãi vay phải trả
Chi phí phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí lãi vay phải trả	3.690.872.971	279.479.492
Chi phí phải trả khác	40.000.000	
	3.730.872.971	279.479.492

11.2. Dài hạn

Lãi vay

1.361.532.392

- 1.361.532.392

12. Phải trả khác

Ngắn hạn

Các bên khác

Kinh phí công đoàn
Phải trả phải nộp khác

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	1.706.535	8.545.315
Phải trả phải nộp khác	2.603.072	8.091.632
	4.309.607	16.636.947

13. Vay và nợ thuê tài chính

13.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			01/01/2022
	31/12/2022	Tăng	Giảm	
Tổ chức, cá nhân				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (1)	1.950.000.000	1.950.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng (2)	1.776.000.000	1.776.000.000	-	-
Nguyễn Thị Tố Quyên (3)	63.000.000	63.000.000	-	-
Vay nợ DH đến hạn trả	1.550.000.000	1.550.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (4)	1.550.000.000	1.550.000.000	-	-
	5.339.000.000	5.339.000.000	-	-

13.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			01/01/2022
	31/12/2022	Tăng	Giảm	
Tổ chức, cá nhân				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (4)	1.550.000.000		21.560.000.000	23.110.000.000
	1.550.000.000	-	21.560.000.000	23.110.000.000
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	1.550.000.000			-
Vay và nợ thuê TC DH	-			23.110.000.000

Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2022

(1) Hợp đồng vay số 2001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 20/01/2022 và hợp đồng vay số 1001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10/01/2022

Số tiền vay: 1.950.000.000 đồng

Thời hạn vay: 12 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 10%/ năm

Số dư vay tại 31/12/2022 là: 1.950.000.000 đồng

(2) Vay Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 2803/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 28/03/2022, số tiền vay 1.050.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 11,82%/năm. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 1.050.000.000 đồng

- Hợp đồng vay số 0605/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 06/05/2022, số tiền vay 366.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 6,5%/năm. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 366.000.000 đồng

- Hợp đồng vay số 2007/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 20/07/2022, số tiền vay 360.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 10%/năm. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 360.000.000 đồng

(3) Vay bà Nguyễn Thị Tô Quyên theo hợp đồng vay số 0311/2022/HĐCV ngày 03/11/2022, và khế ước nhận nợ lần 1 ngày 04/11/2022, số tiền vay theo hợp đồng 69.700.000 đồng, số tiền theo khế ước nhận nợ lần 1 là 63.000.000 đồng, thời hạn vay: 24 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay không tính lãi suất. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 63.000.000 đồng.

Thông tin liên quan đến các khoản vay dài hạn tại 31/12/2022

(4) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 2509/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 25 tháng 09 năm 2021. Số tiền vay: 11.760.000.000 đồng. Thời hạn vay: 26 tháng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay: 11.82%/ năm. Số dư vay tại 31/12/2022 là: 0 đồng

- Hợp đồng vay số 1003/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 03 năm 2021. Số tiền vay: 11.200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 33 tháng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay: 11.82%/ năm. Số dư vay tại 31/12/2022 là: 1.400.000.000 đồng

- Hợp đồng vay số 1009/2021/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 09 năm 2021. Số tiền vay: 150.000.000 đồng. Thời hạn vay: 24 tháng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay: 6,5%/ năm. Số dư vay tại 31/12/2022 là: 150.000.000 đồng

Trong đó, khoản vay dài hạn đến hạn trả: 1.550.000.000 đồng

14. Vốn chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2021	60.000.000.000	-	13.025.982.326	73.025.982.326
Lãi/(lỗ) trong kỳ			5.426.081.544	5.426.081.544
Số dư 31/12/2021	60.000.000.000	-	18.452.063.870	78.452.063.870
Số dư 01/01/2022	60.000.000.000	-	18.452.063.870	78.452.063.870
Tăng vốn trong kỳ	139.999.990.000	76.800.000.000		216.799.990.000
Lãi/(lỗ) trong kỳ			4.319.698.318	4.319.698.318
Phân phối lợi nhuận			(11.999.990.000)	(11.999.990.000)
Giảm khác		(171.600.000)	(184.467.191)	(356.067.191)
Số dư 31/12/2022	199.999.990.000	76.628.400.000	10.587.304.997	287.215.694.997

Phân phối lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	18.452.063.870	13.025.982.326
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ	4.319.698.318	5.426.081.544
Tăng, giảm () khác	(184.467.191)	-
Phân phối lợi nhuận năm trước, trong đó:	11.999.990.000	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.999.990.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	10.587.304.997	18.452.063.870

14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Cổ đông khác	100,00	199.999.990.000	100,00	60.000.000.000
	100,00	199.999.990.000	100,00	60.000.000.000

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	139.999.990.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	199.999.990.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	Năm 2022	Năm 2021
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.999.990.000	-

14.4. Cổ phiếu	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.999	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	19.999.999	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	19.999.999	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng hoá	32.471.167.105	91.366.097.723
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.158.185.182	11.841.318.181
	36.629.352.287	103.207.415.904
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	925.520.832	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	136.851.852	-
	1.062.372.684	-

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn hàng hoá	30.311.883.065	84.087.418.310
Giá vốn cung cấp dịch vụ	712.530.000	6.109.772.726
	31.024.413.065	90.197.191.036
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.700.443	17.866.656
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.409.759.107	
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư	2.087.388.159	
	4.507.847.709	17.866.656
4. Chi phí tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền vay	2.049.861.087	1.943.538.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	375.594
	2.049.861.087	1.943.913.813
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	-	131.860.716
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.419.500	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	5.286.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	190.099.666
	11.419.500	327.246.848
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.552.928.676	4.193.189.516
Chi phí vật liệu, CCDC	206.728.809	337.438.716
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(60.599.300)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.918.450	449.713.870
Chi phí bằng tiền khác	134.298.273	96.276.907
	3.193.274.908	5.079.619.009

6. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.588.101.449
Các khoản khác	228.100	
	228.100	1.588.101.449

7. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	61.140.992	32.717.113
Các khoản khác		917.920.000
	61.140.992	950.637.113

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	206.728.809	504.024.584
Chi phí nhân công	2.552.928.676	4.193.189.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	255.286.465
Chi phí dự phòng	(60.599.300)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.918.450	11.810.320.033
Chi phí khác bằng tiền	137.298.273	878.435.919
	3.193.274.908	17.641.256.517

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.797.318.544	6.314.776.190
Các khoản điều chỉnh tăng	61.140.992	33.042.707
<i>Khoản chi không hợp lệ</i>	61.140.992	33.042.707
Các khoản điều chỉnh giảm ()	(2.470.358.407)	-
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(2.409.759.107)	-
<i>Các khoản khác</i>	(60.599.300)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.388.101.129	6.347.818.897
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	477.620.226	1.269.563.780
Giảm trừ 30% thuế		(380.869.134)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	477.620.226	888.694.646

VII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	Công ty con
Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	Công ty liên kết

2.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

<u>Nội dung/ Bên liên quan</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du Nhận tiền cổ tức	4.611.219.301	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội Doanh thu cung cấp dịch vụ	925.520.832	-
Thanh toán công nợ phải thu	763.560.000	-

2.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

2.4. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	Chức vụ	Năm 2022
Bà Tống Thị Thu Huyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/4/22 45.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý	Tổng Giám đốc	742.000.000
Bà Đào Thị Như Thuý	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/4/2022 27.000.000
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/4/2022 6.000.000
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/4/2022 45.000.000
Ông Bùi Đức Toàn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022 6.000.000
Bà Lê Thị Hương Giang	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 21/4/2022 33.000.000
Bà Đặng Thu Trang	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/4/2022 18.000.000
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022 24.000.000
Bà Đỗ Thị Xuân	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022 9.000.000
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022 6.000.000
Cộng		961.000.000

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương



Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Thuý